TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------

Bản án số: 57/2019/ST-HNGĐ
Ngày 18/10/2019
V/v: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lỗ Xuân Chinh.
2/ Ông Nguyễn Văn Cử.

- Thư ký phiên toà:
Ông Lương Văn Công – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mê Linh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 7 năm 2019. Về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 03/9/2019; quyết định hoãn phiên toà số: 24/2019/QĐ - HPT ngày 30/9/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh H**, sinh năm 1985.
Nơi ĐKHKTT: Đường B, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: thôn VK, xã AĐ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức Q**, sinh năm 1977.
Nơi ĐKHKTT: Đường B, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Đường B, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
Có mặt: Chị H.
Vắng mặt: Anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày:*

+ Về hôn nhân: Chị H kết hôn với anh Q trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã TL, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội; giấy chứng nhận kết hôn số 68 quyển số 01 ngày 12/5/2008. Sau khi cưới chị H và anh Q về chung sống cùng gia đình anh Q tại Đường B, xã TL, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng từ tháng 4/2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị H và anh Q sống không hợp nhau trong tính cách, trong nhận thức và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày; Ngoài ra anh Q không chịu

làm ăn, hay chơi cờ bạc, có khi đi cả tuần không về; khi về nhà thì kiếm cớ gây sự với chị H dẫn đến vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị H và hai con bỏ về quê bố mẹ đẻ ở xã AĐ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuê nhà ở riêng từ tháng 4/2017, từ đó vợ chồng sống ly thân, hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả; địa phương chưa hòa giải vì chị H và anh Q không có đơn yêu cầu. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, kéo dài và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, chị H yêu cầu được ly hôn anh Q.

+ Về con chung: Vợ, chồng chị H và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 20/10/2007 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 30/11/2009. Hiện tại hai cháu đang ăn ở cùng chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hiện tại chị H làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ chung, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H xin chịu cả.

Ngoài ra, chị H không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm

* Bị đơn anh Nguyễn Đức Q hiện có mặt tại địa phương nơi cư trú, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là không chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Qui định về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh H; chị Nguyễn Thị Ánh H được ly hôn anh Nguyễn Đức Q.

- *Về con*: Vợ, chồng chị H và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 20/10/2007 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 30/11/2009. Giao cho anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức Đ; Giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức K đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị H và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- *Về tài sản*: Chị H xác định không có nên không xem xét giải quyết

- Án phí ly hôn: Chị H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, đánh giá tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục: Anh Q hiện có mặt tại địa phương nơi cư trú, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa an làm việc, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh Q đều không có mặt để làm việc, tại phiên tòa lần đầu và lần này anh Q vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt anh Q và dành quyền kháng cáo cho anh Q theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị H kết hôn với anh Q trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã TL, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội; giấy chứng nhận kết hôn số 68 quyển số 01 ngày 12/5/2008. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh Q là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn; mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng từ tháng 4/2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị H và anh Q sống không hợp nhau trong tính cách, trong nhận thức và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày; Ngoài ra anh Q không chịu làm ăn, hay chơi cờ bạc, có khi đi cả tuần không về; khi về nhà thì kiếm cớ gây sự với chị H dẫn đến vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị H và hai con bỏ về quê bố mẹ đẻ ở xã AĐ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuê nhà ở riêng từ tháng 4/2017, từ đó vợ chồng sống ly thân, hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Ý kiến gia đình anh Q xác định: Không rõ nguyên nhân mâu thuẫn gì, chị H đã đưa hai con về quê ngoại ở Hải Phòng sinh sống từ năm 2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay; hiện tại anh Q chung sống cùng bố mẹ, nhưng thường xuyên vắng nhà, làm gì ở đâu gia đình không biết. Nay chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và kéo dài; Tình cảm vợ chồng không còn; hạnh phúc gia đình không có; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể káo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Q. Anh Q có mặt tại địa phương nơi cư trú đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải nhưng anh Q không có mặt; tại phiên tòa lần đầu và phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q để giải phóng cho cả hai bên yên ổn làm ăn, ổn định cuộc sống, nuôi dậy con chung là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Vợ, chồng chị H và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 20/10/2007 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 30/11/2009. Hiện tại hai cháu đang ăn ở cùng chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy: Yêu cầu được nuôi con của chị Hồng là chính đáng vì xuất phát từ quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào nguyện vọng của con, quyền lợi về mọi mặt của con; Điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và chỗ ở ổn định của con.

Cháu Đăng và cháu Khoa đang chung sống cùng chị H và do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2017 đến nay; hai cháu có đơn nguyện vọng ở với chị H và hai cháu đang ăn ở, học tập ổn định; chị H làm công nhân có việc làm và có thu nhập ổn định 12.000.000đồng/tháng; anh Q thường xuyên vắng nhà. Vì vậy, giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H nuôi hai con không yêu cầu anh Q cấp dưỡng; chị H làm công nhân có việc làm và có thu nhập ổn định 12.000.000đồng/tháng; Anh Q không có lời khai và vắng mặt tại phiên tòa; Vì vậy, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án là phù hợp.

[3.3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị H xác định không có; anh Q không có lời khai và vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, dành lại giải quyết sau bằng vụ kiện dân sự khác nếu có tài sản mà các bên có yêu cầu.

[3.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đ, chị H phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

[3.5] Về quyền kháng cáo**:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 203, 220, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

[1] Về hôn Nhân:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh H.

- Chị Nguyễn Thị Ánh H được ly hôn anh Nguyễn Đức Q.

[2] Về con chung: Vợ, chồng chị H và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 20/10/2007 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 30/11/2009. Hiện tại hai cháu đang chung sống cùng chị H. Ly hôn giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

[3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Dành lại giải quyết sau bằng vụ kiện dân sự khác nếu có tài sản mà các bên có yêu cầu.

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị H phải chịu để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009102 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Án xử sơ thẩm công khai chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận
- *Các đương sự.*
- *VKSNDH. Mê Linh.*
- *TAND TP. Hà Nội.*
- *THADS huyện Mê Linh*
- *Cơ quan nơi đăng ký kết hôn.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Huy Duệ